

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 976/2 017/HNGĐ-PT

Ngày: 30/10/2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Nguyễn Thị Trinh**

2/ Bà **Đặng Thị Bích Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mộng Linh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 và 30/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08/9/2017 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 301/2017/HNGĐ-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 831/2017/QĐ-PT ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Tiến T**, sinh năm 1943

Địa chỉ thường trú: 11/501 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 18.6C chung cư Phú Mỹ Thuận, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1949.

Địa chỉ thường trú: 11/501 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 15.6B chung cư Phú Mỹ Thuận, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: ông Lê Tiến T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Tiến T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1972 và đăng ký kết hôn tại UBND Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Sau đó thất lạc giấy đăng ký kết hôn nên năm 2012, ông bà đăng ký kết hôn lại tại UBND phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, quyền số 01 ngày 14/02/2012.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 20 năm. Đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Đan hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng vì thương các con nên ông cố gắng gìn giữ gia đình để lo cho các con ăn học. Đến nay, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, cuộc sống đã ổn định. Ông muốn phân đời còn lại sống cho bản thân mình. Ông và bà Đan đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Do tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đan.

Về con chung: Có 04 con chung đều đã thành niên là:

1. Lê Phương Anh, sinh năm 1973
2. Lê Ánh Hằng, sinh năm 1974
3. Lê Ánh Tuyết, sinh năm 1977
4. Lê Nguyễn Đan Minh, sinh năm 1989

Về tài sản chung và nợ chung: ông và bà Đan tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà không đồng ý ly hôn với ông Trung vì vợ chồng đã chung sống hạnh phúc được 46 năm, ông bà đã cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vẫn quan tâm chăm sóc nhau và sống vui vẻ cùng con cháu. Đến năm 2016, ông Trung nói với bà việc ly hôn nhưng bà chỉ nghĩ ông giận nên nói như vậy vì thực tế vợ chồng vẫn qua lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông Trung hoàn toàn không có bất kỳ mâu thuẫn nào. Hiện nay, bà đã già lại mang bệnh huyết áp, tim mạch, sức khỏe yếu nên mỗi người ở một căn nhà cùng con cháu để tiện chăm sóc sức khỏe. Bà vẫn còn yêu thương chồng, muốn sống yên vui cùng chồng con những năm tháng cuối đời. Hơn nữa bà cho rằng ông Trung là người sống rất tốt với vợ con, sống có trách nhiệm, yêu thương con cháu. Do đó bà mong muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng gia đình.

Về con chung: Có 04 con chung đều đã thành niên là:

1. Lê Phương Anh, sinh năm 1973
2. Lê Ánh Hằng, sinh năm 1974

3. Lê Ánh Tuyết, sinh năm 1977

4. Lê Nguyễn Đan Minh, sinh năm 1989

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông Trung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 301/2017/HNGĐ-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tiến T về việc ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/7/2017, ông Lê Tiến T có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 301/2017/HNGĐ-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Tiến T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, giải quyết cho ông được ly hôn để không ràng buộc hôn nhân với bà Đan về mặt pháp lý và được thanh thoi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đề nghị y án sơ thẩm vì giữa bà và ông Trung không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà vẫn còn yêu thương chồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Ông Trung kháng cáo còn trong hạn luật định. Xét hai bên sống chung tuy có mâu thuẫn nhưng vẫn điều chỉnh và duy trì đời sống chung. Nay ông bà đều đã hơn 70 tuổi nên lấy bản thân mình làm gương cho con cháu. Đây cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Bà Đan cho rằng không có lỗi gì, ông Trung không có chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình đến mức trầm trọng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Trung là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Tiến T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của ông Lê Tiến T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Trung và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1972, theo lời khai của ông bà thì hai bên có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc. Đến năm 2012 ông bà đăng ký kết hôn lại và được UBND phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2012 quyền số 01 ngày 14/02/2012. Như vậy hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Ngày 07/12/2016, ông Trung nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè yêu cầu được giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị Đ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do bà Đan không đồng ý ly hôn. Theo lời khai ông Trung thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 1991, nguyên nhân là do bà Đan hay ghen tuông vô cớ, còn ông cũng nghi ngờ sự chung thủy của bà Đan. Từ đó cuộc sống gia đình luôn căng thẳng nhưng vì thương các con còn nhỏ nên ông cố gắng giữ gìn gia đình êm ấm để lo cho các con ăn học. Nay các con đã lớn nên ông muốn ly hôn để sống cho bản thân. Ý kiến bà Đan không đồng ý, bà cho rằng cuộc sống chung giữa đôi bên hạnh phúc bình thường từ khi kết hôn đến nay, không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Ông bà đã cùng nuôi dạy bốn người con trưởng thành. Hiện tại bà đang bệnh huyết áp, tim mạch, sức khỏe yếu nên ông bà sống mỗi người một căn hộ trong cùng một chung cư tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh với con cháu để tiện chăm sóc.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, phía nguyên đơn là ông Trung không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Đan vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thời gian chung sống, mục đích của hôn nhân và kết quả xác minh tại địa phương nơi ông bà cư trú không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tiến T về việc ly hôn bà Nguyễn Thị Đ là đã xem xét toàn diện trên cơ sở thực tế và pháp luật. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trung yêu cầu được ly hôn bà Đan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Tiến T nên về con chung, tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Tiến T phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Lê Tiến T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tiến T, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tiến T về việc ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng ông Lê Tiến T phải chịu, cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng ông Trung đã nộp tại Biên lai thu số 0007365 ngày 15/12/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trung đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí hôn nhân phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Lê Tiến T phải chịu, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Trung đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0008047 ngày 02/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trung đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện Ng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung